

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 163/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2023

*“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và bà Ngô Thị Thom

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 160/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1982; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản của Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin vắng mặt, giấy ủy quyền (có xác nhận của Văn phòng kinh tế - văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/12/2011. Sau khi kết

hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2015, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Mặc dù sống xa nhau nhưng chị và anh Q vẫn thường xuyên xảy ra cãi nhau qua điện thoại. Từ năm 2017 đến nay, chị và anh Q không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/5/2013. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Q là 1.500.000đ/1 tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh xác định về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Khoảng cuối năm 2014, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Hai năm đầu sau khi đi, chị H thường xuyên liên lạc về cho bố con anh. Đến cuối năm 2016 thì không liên lạc về cho anh và con nữa. Nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách nên tình cảm nhạt dần. Ngoài ra, anh được biết chị H đã có quan hệ tình cảm với người khác. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Anh đề nghị Tòa án giao con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/5/2013 cho anh nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đ/1 tháng, anh nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc bận, không thể đến Tòa án làm việc được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn Q. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/5/2013 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Q là 1.500.000đ/1 tháng. Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn

nhân gia đình sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Trần Thị H hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q hiện đang sinh sống tại thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, đều có đơn và quan điểm xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/12/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh Q chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi nhau. Năm 2015 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu, anh chị vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng mỗi lần nói chuyện lại cãi nhau nên đến năm 2017 anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh Q, anh Q đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/5/2013. Khi ly hôn, chị H và anh Q đều có quan điểm giao cháu Đ cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy hiện cháu Đ đang ở với bố, được học tập và phát triển tốt và cháu Đ cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố. Chị H đang ở nước ngoài không có mặt tại Việt

Nam nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Đ cho anh Q nuôi dưỡng đến khi cháu Đ thành niên (tròn 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Q là 1.500.000đ/1 tháng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi).

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Văn Q được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/5/2013 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Q là 1.500.000đ/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6/2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Q có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị H chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004866 ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất